

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
đến ngày 30 tháng 6 năm 2010**

Hà Nội - Tháng 8 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 đã được soát xét.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 45/2004/QĐ-BBCVT ngày 05/11/2004 của Bộ Bưu chính Viễn Thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103007704 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/05/2005, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 01/07/2009.

Trụ sở chính của Công ty tại số 178, phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Công ty đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là CKV.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Kim Kỳ	Chủ tịch	Hết nhiệm kỳ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông từ ngày 11/05/2010
	Ông Tường Duy Toàn	Ủy viên	
	Ông Đặng Đình Thụ	Ủy viên	
	Bà Nguyễn Minh Châu	Ủy viên	Được bổ nhiệm theo Nghị quyết Đại hội cổ đông từ ngày 11/05/2010
	Ông Phạm Ngọc Ninh	Ủy viên	
	Bà Trần Thị Tuyết Mai	Ủy viên	
	Ông Nguyễn Công Minh	Ủy viên	

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Kim Kỳ	Tổng Giám đốc
Ông Tường Duy Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Đình Thụ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Ninh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Nguyễn Kim Kỳ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2010

Số.

/2010/BCKT-BCSX/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
của Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2010 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ chủ yếu của Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được trình bày từ trang số 04 đến trang số 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các yêu cầu khác liên quan đến Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2010

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1140/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BUỒU CHÍNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		196.401.355.787	211.309.893.104
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	125.977.851.802	112.646.118.935
1. Tiền	111		40.749.186.802	33.146.118.935
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.228.665.000	79.500.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.000.000.000	41.280.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	4.000.000.000	41.280.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.479.970.968	42.806.938.635
1. Phải thu khách hàng	131		57.773.309.140	44.218.736.854
2. Trả trước cho người bán	132		3.265.913.508	659.472.196
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	2.380.837.919	1.868.819.184
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.940.089.599)	(3.940.089.599)
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	5.985.231.011	13.513.850.931
1. Hàng tồn kho	141		10.275.933.324	16.973.817.205
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.290.702.313)	(3.459.966.274)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		958.302.006	1.062.984.603
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		69.228.800	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	75.095.814
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		4.352.076	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	884.721.130	987.888.789
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		53.253.977.193	54.238.127.516
II- Tài sản cố định	220		18.021.176.739	21.866.217.496
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	18.021.176.739	21.866.217.496
- Nguyên giá	222		49.079.935.729	50.053.759.729
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.058.758.990)	(28.187.542.233)
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	35.228.455.000	32.112.595.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.040.000.000	1.040.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		34.188.455.000	31.072.595.000
V- Tài sản dài hạn khác	260		4.345.454	259.315.020
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	4.345.454	259.315.020
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		249.655.332.980	265.548.020.620

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BUỒI CHÍNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		175.536.262.289	190.257.652.226
(300 = 310 + 330)				
I- Nợ ngắn hạn	310		172.952.906.988	187.508.260.925
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	2.740.295.800
2. Phải trả người bán	312		106.903.160.381	119.072.353.571
3. Người mua trả tiền trước	313		1.700.542.995	1.681.894.622
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	752.548.403	764.561.180
5. Phải trả người lao động	315		1.985.910.798	1.423.104.822
6. Chi phí phải trả	316	5.10	35.775.194.952	36.032.178.668
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.11	24.427.414.682	24.588.723.012
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.408.134.777	1.205.149.250
II- Nợ dài hạn	330		2.583.355.301	2.749.391.301
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		26.555.302	167.591.302
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.556.799.999	2.581.799.999
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.119.070.691	75.290.368.394
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.12	74.119.070.691	75.290.368.394
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.500.000.000	40.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.250.000.000	20.250.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.223.100.000)	(1.223.100.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.875.481.533	7.511.229.430
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.499.816.642	1.293.720.612
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.216.872.516	6.958.518.352
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN				
(440 = 300+400)	440		249.655.332.980	265.548.020.620

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	30/06/2010	01/01/2010
		VND	VND
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		754.525,52	637.506,80
- EUR		10.544,08	10.544,38

Nguyễn Kim Kỳ
Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Quốc Kế
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BUỒI CHÍNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Mẫu B 02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		38.258.047.853	38.519.590.070
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.13	38.258.047.853	38.519.590.070
4. Giá vốn hàng bán	11	5.14	31.231.007.416	32.327.406.417
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		7.027.040.437	6.192.183.653
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	6.841.548.738	2.411.766.806
7. Chi phí tài chính	22	5.16	80.013.576	11.442.960
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>80.013.576</i>	<i>11.442.960</i>
8. Chi phí bán hàng	24		8.743.096.303	5.701.747.477
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.372.089.828	1.723.787.164
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		2.673.389.468	1.166.972.858
11. Thu nhập khác	31		474.000.000	52.236.765
12. Chi phí khác	32		-	6.821.467
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.17	474.000.000	45.415.298
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.147.389.468	1.212.388.156
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	520.372.367	151.548.520
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.627.017.101	1.060.839.636
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19	662	262

Nguyễn Kim Kỳ
Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Quốc Kế
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BUỒI CHÍNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Mẫu B 03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

CHỈ TIÊU	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
	VND	VND
1	2	3
4	5	6
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	3.147.389.468	1.212.388.156
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
- Khấu hao tài sản cố định	3.845.040.757	2.218.384.615
- Các khoản dự phòng	830.736.039	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(6.841.548.738)	(2.400.323.846)
- Chi phí lãi vay	80.013.576	11.442.960
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	1.061.631.102	1.041.891.885
- Tăng, giảm các khoản phải thu	(21.197.311.737)	19.304.120.174
- Tăng, giảm hàng tồn kho	6.697.883.881	(9.677.974.486)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(6.669.157.374)	34.361.832.647
- Tăng, giảm chi phí trả trước	185.740.766	(40.133.686)
- Tiền lãi vay đã trả	(80.013.576)	(11.442.960)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(395.027.907)	(321.178.692)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD</i>	(20.396.254.845)	44.657.114.882
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	350.000.000	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	37.280.000.000	1.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(3.115.860.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	5.218.143.512	2.411.766.806
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư</i>	39.732.283.512	3.411.766.806
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	(1.223.100.000)
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(2.740.295.800)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(3.264.000.000)	(3.240.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính</i>	(6.004.295.800)	(4.463.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	13.331.732.867	43.605.781.688
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	112.646.118.935	69.040.337.247
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	125.977.851.802	112.646.118.935

Nguyễn Kim Kỳ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Quốc Kế
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09A-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 45/2004/QĐ-BBCVT ngày 05/11/2004 của Bộ Bưu chính Viễn Thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103007704 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/05/2005, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 01/07/2009. Vốn điều lệ là 40.500.000.000 đồng

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	1.984.500	19.845.000.000	49%
Các cổ đông khác	2.065.500	20.655.000.000	51%
Cộng	4.050.000	40.500.000.000	100%

Trụ sở Công ty tại 178 phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông số 0103007704 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/05/2005, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 01/07/2009 của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, tin học, điện tử dân dụng, vật tư thiết bị công nghiệp, dân dụng và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, thiết bị lẻ, thiết bị toàn bộ trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, tin học, điện tử dân dụng, giao thông, công nghiệp xây dựng và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh các dịch vụ trong các lĩnh vực: bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, tin học, điện tử dân dụng, đại lý bảo hiểm, giao nhận và vận chuyển hàng hóa, cho thuê kho bãi, cho thuê thiết bị, phương tiện, nhận ủy thác nhập khẩu, tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, bảo trì, bảo hành, sửa chữa các sản phẩm thuộc các ngành kinh doanh, khai thuê hải quan, tư vấn ký kết hợp đồng kinh tế và các dịch vụ khác được pháp luật cho phép (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp lý);
- Sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị trong các lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, tin học, điện tử dân dụng, giao thông, công nghiệp, xây dựng và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;
- Đầu tư trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông, tài chính, công nghiệp, nhà ở, cơ sở hạ tầng, các khu công nghiệp, khu đô thị và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;
- Sản xuất, kinh doanh các loại dây và cáp thông tin (sợi đồng và sợi quang), dây và cáp điện dân dụng, cáp điện lực, nguyên liệu, vật liệu viễn thông, vật liệu điện dân dụng;
- Sản xuất sản phẩm dây đồng (dây đồng, dây quang). Lõi đồng, lõi quang), bobbin nhựa, bobbin sắt, bobbin gỗ;
- Kinh doanh nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông, dây thuê bao và vật liệu điện dân dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BUÙ CHÍNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09A-DN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, các văn bản sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

6 tháng đầu năm 2010

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị (*)	06 - 12
Thiết bị văn phòng (*)	03 - 08
Phương tiện vận tải (*)	06 - 10

(*) Các tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp khấu hao nhanh với hệ số 02.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí thành lập Chi nhánh Hà Nội, bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Chi nhánh và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Chi phí thành lập được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày chính thức đi vào hoạt động.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết Đại Hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là 25%. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BUỒU CHÍNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	171.838.085	261.811.868
Tiền gửi ngân hàng	40.577.348.717	32.884.307.067
Các khoản tương đương tiền	85.228.665.000	79.500.000.000
Tổng	125.977.851.802	112.646.118.935

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.000.000.000	41.280.000.000
Tổng	4.000.000.000	41.280.000.000

5.3 Phải thu khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu người lao động	-	45.790.895
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.623.405.226	1.823.028.289
Phải thu khác	757.432.693	-
Tổng	2.380.837.919	1.868.819.184

5.4 Hàng tồn kho

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.194.594.435	4.381.462.802
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	556.158.606	736.183.797
Thành phẩm	4.124.682.163	5.649.929.233
Hàng hoá	2.400.498.120	6.206.241.373
Tổng	10.275.933.324	16.973.817.205
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.290.702.313	3.459.966.274
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	5.985.231.011	13.513.850.931

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	572.506.372	675.674.031
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	312.214.758	312.214.758
Tổng	884.721.130	987.888.789

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BUỒI CHÍNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2010	14.254.011.415	29.345.095.931	4.866.925.133	1.587.727.250	50.053.759.729
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	973.824.000	-	973.824.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	973.824.000	-	973.824.000
Số dư tại 30/06/2010	14.254.011.415	29.345.095.931	3.893.101.133	1.587.727.250	49.079.935.729
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2010	9.408.012.202	13.210.639.006	4.729.379.457	839.511.568	28.187.542.233
Tăng trong kỳ	642.305.958	2.966.553.607	137.545.676	98.635.516	3.845.040.757
Khấu hao trong kỳ	642.305.958	2.966.553.607	137.545.676	98.635.516	3.845.040.757
Giảm trong kỳ	-	-	973.824.000	-	973.824.000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	973.824.000	-	973.824.000
Số dư tại 30/06/2010	10.050.318.160	16.177.192.613	3.893.101.133	938.147.084	31.058.758.990
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2010	4.845.999.213	16.134.456.925	137.545.676	748.215.682	21.866.217.496
Tại 30/06/2010	4.203.693.255	13.167.903.318	-	649.580.166	18.021.176.739

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2010		01/01/2010	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	104.000	1.040.000.000	104.000	1.040.000.000
Công ty Cổ phần Viễn Thông CSC (1)	104.000	1.040.000.000	104.000	1.040.000.000
Đầu tư dài hạn khác	3.011.309	34.188.455.000	2.699.723	31.072.595.000
(đầu tư cổ phiếu) (2)				
Công ty Cổ phần NIKKO Việt nam	59.500	1.090.000.000	59.500	1.090.000.000
Công ty Cổ phần cáp Việt nhật	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển	6.250	625.000.000	6.250	625.000.000
Công nghệ và Truyền thông(*)				
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện (*)	9.800	980.000.000	9.800	980.000.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm bưu điện	934.759	11.483.455.000	623.173	8.367.595.000
Công ty Cổ phần công nghệ	801.000	8.010.000.000	801.000	8.010.000.000
cáp quang và thiết bị Bưu điện				
Công ty Cổ phần cáp và vật liệu mạng	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Tổng	3.115.309	35.228.455.000	2.803.723	32.112.595.000

(1) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Viễn thông CSC với tỷ lệ 26%

(2) Đầu tư cổ phiếu vào các công ty khác với tỷ lệ nắm giữ từ 0,82% đến khoảng 10,22%

(*) Mệnh giá cổ phiếu là 100.000 đồng

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2010
	VND
Tại ngày 1 tháng 1	259.315.020
Tăng	-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	254.969.566
Tại ngày 30 tháng 6	4.345.454

Chi tiết theo khoản mục chi phí

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí thành lập Chi nhánh HN	-	259.315.020
Các chi phí khác	4.345.454	-
Tổng	4.345.454	259.315.020

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	266.641.536	341.121.007
Thuế thu nhập doanh nghiệp	460.227.696	334.883.236
Thuế thu nhập cá nhân	25.679.171	88.556.937
Tổng	752.548.403	764.561.180

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BUỒU CHÍNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.10 Chi phí phải trả

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí bảo hành và chi phí phải trả khác	35.775.194.952	36.032.178.668
Tổng	35.775.194.952	36.032.178.668

5.11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	113.456.972	153.574.805
Bảo hiểm xã hội	177.706.918	37.156.545
Bảo hiểm y tế	34.384.454	2.528.059
Phải trả về cổ phần hóa	21.248.223.572	21.248.223.572
Quỹ chính sách xã hội	101.979.482	-
Bảo hiểm thất nghiệp	15.271.484	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.736.391.800	3.147.240.031
- <i>Phải trả cổ tức</i>	<i>1.602.107.704</i>	<i>1.782.000.000</i>
- <i>Lãi chậm trả phần vốn Nhà nước về Tập đoàn BCVT Việt Nam</i>	<i>435.230.519</i>	<i>435.230.519</i>
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>699.053.577</i>	<i>930.009.512</i>
Tổng	24.427.414.682	24.588.723.012

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BUỒI CHÍNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.12 Vốn chủ sở hữu**Biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2009	40.500.000.000	20.250.000.000	-	6.322.668.440	1.074.004.306	7.459.381.722
Tăng trong năm	-	-	(1.223.100.000)	1.188.560.990	219.716.306	4.608.818.169
Lãi/ lỗ	-	-	-	-	-	4.608.818.169
Trích quỹ	-	-	-	1.188.560.990	219.716.306	-
Mua lại cổ phiếu	-	-	(1.223.100.000)	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	5.109.681.539
Trích quỹ	-	-	-	-	-	1.869.681.539
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	3.240.000.000
Số dư tại 31/12/2009	40.500.000.000	20.250.000.000	(1.223.100.000)	7.511.229.430	1.293.720.612	6.958.518.352
Số dư tại 01/01/2010	40.500.000.000	20.250.000.000	(1.223.100.000)	7.511.229.430	1.293.720.612	6.958.518.352
Tăng trong kỳ	-	-	-	364.252.103	206.096.030	2.656.295.528
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi năm nay	-	-	-	-	-	2.627.017.101
Trích quỹ	-	-	-	364.252.103	206.096.030	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	29.278.427
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	4.397.941.364
Trích quỹ	-	-	-	-	-	1.208.233.660
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	3.175.200.000
Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	14.507.704
Số dư tại 30/06/2010	40.500.000.000	20.250.000.000	(1.223.100.000)	7.875.481.533	1.499.816.642	5.216.872.516

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BU'U CHÍNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MÃU B 09A-DN

5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	19.845.000.000	19.845.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	20.655.000.000	20.655.000.000
Tổng	40.500.000.000	40.500.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	40.500.000.000	40.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	40.500.000.000	40.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.264.000.000	3.240.000.000

Cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.050.000	4.050.000
Cổ phiếu phổ thông	4.050.000	4.050.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	81.000	-
Cổ phiếu phổ thông	81000	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.969.000	4.050.000
Cổ phiếu phổ thông	3.969.000	4.050.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BUỒU CHÍNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.13 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Doanh thu bán hàng	33.283.124.137	35.878.771.969
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.974.923.716	2.640.818.101
Tổng	38.258.047.853	38.519.590.070

5.14 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Giá vốn hàng bán	31.221.257.416	32.327.406.417
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.750.000	-
Tổng	31.231.007.416	32.327.406.417

5.15 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.775.648.738	2.318.025.606
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.065.900.000	93.741.200
Tổng	6.841.548.738	2.411.766.806

5.16 Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Chi phí hoạt động tài chính khác	80.013.576	11.442.960
Tổng	80.013.576	11.442.960

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BUỒU CHÍNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09A-DN

5.17 Lợi nhuận khác

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Thu nhập khác	474.000.000	52.236.765
Thanh lý TSCĐ	350.000.000	-
Thu nhập khác	124.000.000	52.236.765
Chi phí khác	-	6.821.467
Chi phí khác	-	6.821.467
Lợi nhuận khác	474.000.000	45.415.298

5.18 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.147.389.468	1.212.388.156
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế TNDN	1.065.900.000	-
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	<i>1.065.900.000</i>	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.081.489.468	1.212.388.156
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN	520.372.367	303.097.039
Thuế TNDN được giảm	-	151.548.519
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	520.372.367	151.548.520

5.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.627.017.101	1.060.839.636
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.627.017.101	1.060.839.636
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.969.000	4.050.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	662	262

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BUÙ CHÍNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09A-DN

5.20 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2010
đến ngày 30/06/2010

VND

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.534.562.854
Chi phí nhân công	3.326.095.337
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.845.040.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.431.165.227
Chi phí khác bằng tiền	1.020.511.019
Tổng	15.157.375.194

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Các giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		Thù lao	129.432.794
Ban Giám đốc		Tiền lương, thưởng	357.972.908

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
Tập đoàn Bưu chính VTVN	Tập đoàn	Trả cổ tức	1.652.400.000

Số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số dư tại 30/06/2010	Số dư tại 01/01/2010
Phải trả, phải nộp khác				
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả về cổ phần hóa	21.248.223.572	21.248.223.572
		Phải trả số lãi chậm nộp vốn Nhà nước	435.230.519	435.230.519
		Phải trả cổ tức	-	1.652.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BUỒU CHÍNH VIỄN THÔNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09A-DN

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 và Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán.

Nguyễn Kim Kỳ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Quốc Kế

Kế toán trưởng